TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG TÈ** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/HSST.
Ngày: 20/03/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG TÈ, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Mạnh Trang
Các hội thẩm:
Ông: Pờ Pó Chừ
Ông: Nguyễn Xuân Định

Thư ký ghi biên bản phiên toà: bà Lâm Thị Tuyết, thư ký Toà án nhân dân huyện Mường tè, tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường tè tham gia phiên toà: bùi Tống Chung, kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 03 năm 2018, tại xã P, huyện M, tỉnh Lai Châu, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 26/2018/HSST, ngày 26 tháng 2 năm 2018 đối với bị cáo: Sùng A G - Tên gọi khác: không; Sinh ngày 20 tháng 05 năm 1997, sinh tại, bản T, xã T, huyện M, tỉnh Lai Châu. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: bản T, xã T, huyện M, tỉnh Lai Châu. Dân tộc: Mông; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt nam; Nghề nghiệp: trồng trọt; Đoàn, Đảng: không; Trình độ học vấn: không. Con ông: Sùng A D – đã chết; Con bà: Lầu Thị P – đã chết. Bị cáo có vợ: Vàng Thị T: sinh năm 1986; trú tại: bản T, xã Tà T, huyện M, tỉnh Lai Châu; Bị cáo có 02 con; Tiền án, Tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/12/2017 đến ngày 01/01/2018 được bảo lĩnh tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

* Người bào chữa cho bị cáo là Ông Nguyễn Công Hưởng – Bào chữa viên của Trung Tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lai Châu – Có mặt.

* Người bị hại : Tẩn A S - sinh năm: 1981
Địa chỉ: bản T, xã T, huyện M, tỉnh Lai Châu - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 23 giờ ngày 27 tháng 11 năm 2017, Sùng A G, sau khi đi chơi điện tử về, khi đi qua nhà của Tẩn A S, trú tại bản T, xã T, huyện M, tỉnh Lai Châu, G nhìn thấy chiếc xe mô tô và chìa khóa đang cắm để hè nhà của S, thấy vậy, G nảy sinh ý định trộm cắp chiếc mô tô này bán lấy tiền tiêu sài. G dùng đèn pin soi sung quanh nhà S, thấy không có người, G đi vào dắt chiếc xe mô tô ra khỏi hè nhà, khi dắt được xe ra, G thả trôi đến trước cửa nhà bà N bán quán tại bản T, sau đó G để lại chiếc xe mô tô ở đó, rút chìa khóa đem theo người về nhà ngủ. Đến khoảng 5 giờ sáng 28/11/2017, G lấy

chiếc xe mô tô trộm cắp được hôm trước, nổ máy đi xuống bản P, xã T chơi, chơi được khoảng 2 tiếng đồng hồ, G lại tiếp tục đi đến bản N, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên hỏi bán cho một người dân tộc Mông tên là Thào Thành C, nhưng không có giấy tờ xe nên Thào Thành C không mua, G định quay về nhà, nhưng xe hết xăng nên G xin để nhờ lại nhà C, sau đó G đi bộ sang bản H, xã M, tỉnh Điện Biên xin ngủ nhờ qua đêm ở đó. Đến sáng ngày 29/11/2017, G về đến nhà ở bản T, xã T, huyện M. Do bị mất xe nên ngày 10/12/2017 Tẩn A S đã làm đơn trình báo, Qua điều tra, xác minh, Sùng A G đã thừa nhận hành vi trộm cắp chiếc xe máy của Tẩn A S.

Qua giám định tài sản, tại bản Kết luận giám định số: 23/KL – HĐĐGTS, ngày 12/12/2017, của Hội dồng định giá tài sản huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu kết luận 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại FOTURE, màu đen - xám biển kiểm soát 25 B - 02452 số khung: 057052, số máy: 1087578 có giá trị là 20.100.000đồng (hai mươi triệu một trăm nghìn đồng).

Tại Cáo trạng số: 05/ CT - VKS - HS, ngày 26 tháng 02 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Tè đã truy tố bị cáo Sùng A G về tội " Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Sùng A G phạm tội "Trộm cắp tài sản". Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138 BLHS, điểm g, h, p khoản 1 Điều 46, BLHS năm 1999; nay là khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1, Điều 51, Điều 54 BLHS 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo từ 6 tháng tù đến 1 năm tù. Về hình phạt bổ sung, đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo vì bị cáo có điều kiện kinh tế khó khăn. Về bồi thường dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của người bị hại và bị cáo tại phiên tòa, bị cáo nhất trí bồi thường cho người bị hại số tiền 3.000.000đồng. Về vật chứng, đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy chiếc đèn pin thu giữ của bị cáo. Về án phí đề nghị hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo vì bị cáo thuộc hộ nghèo theo quy định Chính phủ và có ý kiến xin miễn án phí cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày luận cứ bào chữa. Sau khi phân tích về nguyên nhân, mục đích, hành vi phạm tội, mức độ nguy hiểm cho xã hội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Người bào chữa nhất trí luận tội của Kiểm sát viên tuyên bố bị cáo Sùng A G phạm tội " Trộm cắp tài sản". Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải cho bị cáo, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc thiệt hai không lớn bị cáo là người dân tộc thiểu số, không có trình độ học vấn, hiểu biết pháp luật còn hạn chế, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g,h,p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 BLHS 1999, nay là điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 54 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo, miễn án phí cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo Sùng A G khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng, nhất trí với luận tội của kiểm sát viên, nhất trí

với luận cứ bào chữa của người bào chữa, không có ý kiến bổ sung thêm, không có ý kiến tranh luận và không có ý kiến, kiến nghị gì về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Người bị hại: Tại phiên tòa có yêu cầu đề nghị bị cáo bồi thường số ngày công đi tìm chiếc xe máy tổng cộng số ngày công bỏ ra là 8 ngày công, tương ứng với số tiền công tại địa phương là 150.000đồng/1 ngày, tổng số tiền là 1.200.000đồng và số tiền thuê người đi tìm và lấy xe máy về là 3.000.000đồng. Tại phiên tòa người bị hại anh Tẩn A S và bị cáo Sùng A G thỏa thuận thống nhất, nhất trí bị cáo Sùng A G bồi thường cho anh Tẩn A S số tiền là 3.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra Công an huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu và Điều tra viên, Kiểm sát viên được phân công điều tra, truy tố trong quá trình thực hiện đã tuân thủ đúng theo quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng trong vụ án đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Bị cáo Sùng A G đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo tại cơ quan Điều tra, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thu giữ vật chứng và các chứng cứ khác có trong hồ vụ án, Hội đồng xét xử khẳng định vào khoảng 23 giờ ngày 27/11/2017, sau khi đi chơi về, khi đi qua nhà anh Tẩn A S ở bản T, xã T, huyện M, Sùng A G nhìn thấy một chiếc xe mô tô để trên hè nhà có cắm chìa khóa, G soi đèn pin không thấy có ai, G đi vào lấy chiếc xe máy đem để ở cổng nhà bà N bán hàng ở bản T rồi rút chìa khóa đi về ngủ, đến khoảng 5 sáng hôm sau (tức ngày 28/11/2017) G đi xuống đem xe máy đến bản N, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên để bán lấy tiền tiêu sài, nhưng không có giấy tờ nên không bán được, do xe hết xăng nên G đã gửi xe máy ở nhà của một tên là C, đến ngày 12/12/2017 thì bị bắt. Qua định giá tài sản đã xác định chiếc xe máy mà G trộm cắp là 20.100.000 đồng (hai mươi triệu một trăm nghìn đồng). Hành vi của bị cáo Sùng A G đã phạm tội " Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999. Do vậy, Cáo trạng số: 05/CT - VKS - HS, ngày 26 tháng 02 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Tè truy tố đối với bị cáo Sùng A Gió về tội "Trộm cắp tài sản' theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật

[3] Về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo Sùng A G là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức rõ hành vi trộm cắp là vi phạm pháp luật, nhưng muốn có tiền để tiêu sài nên bị cáo

đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS. khoản 1 Điều 138 BLHS 1999 quy định " *Người nào trộm cắp tài sản có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng, nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử lý hành chính về hành vi chiếm đoạt mà còn vi phạm thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm*" . Hành vi của bị cáo thực hiện đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, quyền sở hữu tài sản của người khác là bất khả xâm phạm. Do vậy, cần phải có mức hình phạt tù, tương sứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, nhằm cải tạo, giáo dục đối với bị cáo.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân, bị cáo Sùng A G có nơi cư trú rõ ràng, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng bị cáo Sùng A G luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại (tài sản đã được thu giữ và trả lại cho chủ sở hữu), bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo là người dân tộc Mông, lại không có trình độ học vấn do vậy nhận thức về pháp luật còn có những hạn chế nhất đinh, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS cần áp dụng cho bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, lời khai bị cáo tại phiên tòa, thấy rằng bị cáo Sùng A G, nghề nghiệp trồng trọt, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có điều kiện thi hành, Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Tẩn A S đã nhận lại tài sản bị Gió trộm cắp, tại phiên tòa người bị hại anh Tẩn A S và bị cáo Sùng A G thỏa thuận, nhất trí bị cáo Sùng A G bồi thường số ngày công đi tìm chiếc xe máy bị mất và số tiền thuê người đi lấy xe máy về với tổng số tiền 3.000.000đồng (ba triệu đồng), Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận giữa bị cáo và người bị hại là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm pháp luật và không trái đạo đức cần được chấp nhận.

[7] Về vật chứng của vụ án: Đối với chiếc đèn Pin mầu đen - vàng, có ba dây màu đen, xám, loại dây co dãn, phần đầu đèn hình tròn mầu vàng, kính đèn pin bị vỡ, hiện nay đèn pin bị hỏng không còn sử dụng được, cần phải tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Xét thấy bị cáo Sùng A G có điều kiện gia đình khó khăn, thuộc hộ nghèo theo quy định chính phủ, tại phiên tòa người bào chữa và bị cáo có ý kiến đề nghị miễn án phí cho bị cáo. Hội đồng xét xử căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí, miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự cho bị cáo Sùng A G.

Từ những đánh giá phân tích nêu trên, xét thấy các ý kiến của kiểm sát viên và người bào chữa đề nghị tuyên bố bị cáo Sùng A G phạm tội" Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999, đề nghị áp dụng điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999, miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, miễn án phí cho bị cáo là có căn cứ cần chấp nhận. Đối với ý kiến của người bào chữa đề nghị hội đồng xét xử xem xét cần áp dụng Điều 47 BLHS, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Hội đồng xét xử thấy rằng trong thời gian qua tình hình tội phạm trộm cắp diễn ra hết sức phức tạp, tuy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhưng mức độ hành vi phạm tội của bị cáo trộm cắp tài sản có giá trị tương đối lớn (qua định giá tài sản giá trị tài sản mà bị cáo trộm cắp là 20.100.000đồng) mặt khác để đáp ứng tình hình chính trị tại địa phương và tuyên truyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cũng như để bị cáo có một thời thời gian nhất định để cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Hội đồng xét xử không áp dụng Điều 47 BLHS đối với bị cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH;

1. Áp dụng khoản 1 điều 138; điểm g, điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 41; Điều 45 BLHS 1999 và điểm c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố bị cáo Sùng A G phạm tội " Trộm cắp tài sản", Xử phạt bị cáo Sùng A G 6 tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi chấp hành hình phạt tù hoặc bị bắt đi thi hành, đươc khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/12/2017 đến ngày 01/01/2018 là 20 ngày.

2. Về bồi thường dân sự: Chấp nhận sự thỏa thuận của người bị hại anh Tẩn A Sun và bị cáo Sùng A G, bị cáo Sùng A G phải bồi thường cho anh Tẩn A S số tiền 3.000.000đồng (ba triệu đồng).

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) chiếc đèn Pin mầu đen - vàng, có ba dây màu đen, xám, loại dây co dãn, phần đầu đèn hình tròn mầu vàng, kính đèn pin bị vỡ thu giữ của Sùng A G hiện không còn sử dụng được.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, có mặt bị cáo và người bị hai. Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Toà án nhân dân tỉnh Lai Châu để xem xét theo thủ tục phúc thẩm./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- *Toà án nhân dân tỉnh;*
- *Công an huyện;*
- *VKSND huyện;*
- *Thi hành án dân sự;*

- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.